

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MN HOA SEN 2

Số: ~~453~~/MNHS2

V/v báo cáo tình hình thực hiện
công khai ngân sách 9 tháng năm
2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày ~~07~~ tháng ~~10~~ năm 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính Kế hoạch

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hoa Sen 2 báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách 9 tháng năm 2024 như sau:

- Quyết định số ~~453~~/QĐ-MNHS2 ngày ~~07~~/10/2024
- Mẫu công khai ngân sách 9 tháng năm 2024
- Thông báo niêm yết công khai số ~~454~~/TB-MNHS2 ngày ~~07~~/10/2024

Trên đây là nội dung báo cáo của Trường Mầm non Hoa Sen 2.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Số: 455/QĐ-MNHS2

Bình Chánh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách 9 tháng năm 2024
của trường Mầm non Hoa Sen 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho trường Mầm Non Hoa Sen 2;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách 9 tháng năm 2024 của trường Mầm Non Hoa Sen 2 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Toàn thể CB-CNV-VC của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- P.TCKH (để báo cáo);
- Lưu: VT.



Số: ~~454~~/MNHS2

Bình Chánh, ngày ~~07~~ tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai ngân sách 9 tháng năm 2024

Thời gian: Hôm nay vào lúc 8 giờ 30 ngày ~~07~~ tháng 10 năm 2024

Địa điểm: Tại Trường Mầm non Hoa Sen 2

Thành phần tham dự:

Bà Hà Thị Tuyết Hồng Ba - Hiệu trưởng.

Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Kế toán (người niêm yết)

Bà Nguyễn Huỳnh Kim Dung - Chủ tịch Công đoàn.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân - Thư ký hội đồng

Bà Nguyễn Thị Diễm - Trưởng ban Ban thanh tra nhân dân

NỘI DUNG

1. Trường Mầm non Hoa Sen 2 đã tiến hành niêm yết

Về việc công bố Quyết định số: ~~453~~/QĐ-MNH2 ngày ~~07~~/10/2024 về việc công khai ngân sách 9 tháng năm 2024. (Đính kèm mẫu)

2. Thời gian niêm yết: từ ngày ~~07~~ /10/2024 đến ngày ~~15~~ /10/2024 (Trừ ngày nghỉ)

Niêm yết tại bảng tin công khai tài chính trong 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện niêm yết

3. Địa điểm: Phòng hành chính - Kế toán

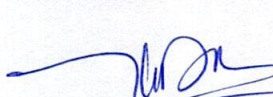
Trong thời gian niêm yết, mọi thắc mắc, khiếu nại có liên quan đến nội dung công khai, người thắc mắc, khiếu nại thực hiện văn bản hoặc liên hệ bộ phận tiếp công dân của nhà trường để được xem xét giải quyết.

Thư ký



Nguyễn Thị Tuyết Vân

Chủ tịch công đoàn



Nguyễn Huỳnh
Kim Dung

Hiệu trưởng



Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2**
Chương: **622-071**

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Hoa Sen 2 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2024 như sau
ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
<u>1</u>	<u>Số thu phí, lệ phí</u>				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
1.3	Thu sự nghiệp	3.619	1.962,2	54%	101%
1.31	Thu học phí	194,0	-	0%	
1.32	Thu thỏa thuận	1.757	1.009,9	57%	107%
1	Anh văn	130,0	72,4		
2	Nhịp điệu	113,0	61,2		
3	Vẽ	113,0	61,8		
4	Kỹ năng sống	130,0	70,6		
5	Tiền công trả cho nhân viên nuôi dưỡng NQ04	191,0	82,8		
6	Tiền PV quản lý, vệ sinh bán trú	690,0	379,7		
7	Thiết bị bán trú	47,0	26,1		
8	Công phục vụ ăn sáng	191,0	103,8		
9	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ MN trong hè	152,0	151,5		
1.3.3	Thu hộ	1.668	952	57%	96%
1	Ăn sáng	382,0	222,4		

2	Ăn trưa	1.204,0	700,5		
3	Nước uống học sinh	38,0	26,0		
4	Học cụ- học liệu	33,0	2,1		
5	Học phẩm	11,0	1,3		
1.3.4	Thu khác	-	-		
	Lãi Ngân Hàng				
<u>2</u>	<u>Chi từ nguồn thu phí được để lại</u>				
2,1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2,2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3,1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
3,2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
3.3	Chi học phí	194,0	49,5	26%	92%
3.4	Chi sự nghiệp	3.273	1.921,1	59%	105%
3.4.1	Chi thỏa thuận	1.605	946,0	59%	115%
1	Anh văn	130,0	61,0		
2	Nhịp điệu	113,0	58,1		
3	Vẽ	113,0	47,7		
4	Kỹ năng sống	130,0	60,8		
5	Tiền công trả cho nhân viên nuôi dưỡng NQ04	191,0	80,3		
6	Tiền PV quản lý, vệ sinh bán trú	690,0	369,8		
7	Thiết bị bán trú	47,0	25,6		
8	Công phục vụ ăn sáng	191,0	104,0		
9	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ MN trong hè	152,0	138,7		

3.4.2	Chi hộ	1.668	975,1	58%	97%
	Ăn sáng	382,0	224,4		
	Ăn trưa	1.204,0	706,7		
	Nước uống học sinh	38,0	26,0		
	Học cụ- học liệu	33,0	15,0		
	Học phẩm	11,0	3,0		
3.4.3	Chi khác	-	-		
	Lãi Ngân Hàng				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.854	2.881	21%	136%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.778	2.102	16%	
Mục 6000	Luong:	1.387	1.036	75%	158%
6001	Luong theo ngạch bậc được duyệt	1.179	997		
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp	208	39		
Mục 6100	Phụ cấp	8.754,0	424,7	5%	88%
6101	Chức vụ	26,0	21,3		
6112	PC ưu đãi nghề	384,0	325,7		
6113	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2,0	1,7		
6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	80,0	76,0		
Mục 6300	Các khoản đóng góp:	303,0	257,9	85%	154%
6301	Bảo hiểm xã hội	225,0	192		
6302	Bảo hiểm y tế	39,0	32,9		
6303	Kinh phí công đoàn	26,0	21,9		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	13,0	10,9		
Mục 6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:	1.452	37,8	3%	11%
6449	Chi khác	1.452,0	37,8		
Mục 6500	Thanh toán Dịch vụ công cộng:	125	43	34%	60%
6501	Thanh toán tiền điện	60	22,3		
6502	Thanh toán tiền nước	60	17,7		
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		-		
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	5,0	2,5		
6549	Khác				
Mục 6550	Vật tư văn phòng :	40	21	53%	

6551	Văn phòng phẩm	20	2,5		
6552	Mua sắm công cụ,dụng cụ văn phòng	20	9,9		
6599	Vật tư văn phòng khác		8,7		
6599	Mua vật tư văn phòng khác				
Mục 6600	Thông tin, truyền tin, liên lạc:	27,0	3,7	14%	33%
6601	Cước phí điện thoại trong nước	2,0	-		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp, cước Internet; thuê đường truyền mạng cáp	11,0	3,7		
6603	Cước phí bưu chính				
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	5,0			
Mục 6700	Công tác phí:	20,0	7,5	38%	57%
6704	Khoán công tác phí	20,0	7,5		
Mục 6750	Chi phí thuê mướn;	331	142,8	43%	78%
6757	Thuê lao động trong nước	331,0	142,8		
6799	Chi phí thuê mướn khác				
Mục 6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ CT	162	50	31%	167%
	duy tu, bảo dưỡng các công trình CSHT:				
6907	Nhà cửa	100	25,9		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	20			
6913	Máy photocopy	12	1,8		
6921	Đường điện, cấp thoát nước	10	8,4		
6949	Các TSCĐ và công trình hạ tầng cơ sở khác	20,0	13,7		
Mục 6950	Mua TS phục vụ công tác chuyên môn	115	-	0%	-
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	35			
6999	Tài sản và thiết bị khác	80			
Mục 7000	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành:	52	12	23%	33%
7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	30			
7049	Chi khác	8	12,2		
Mục 7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	120	65	75%	232%
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị	100	50		
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị	20	15	75%	

3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.076,0	778,7	72%	
3.2	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</u>	1.076,0	778,7	72%	
6105	PC thêm giờ	234,0	104,1		
6116	PC đặc biệt khác của ngành - NQ01	362	295,7	82%	
6449	Các khoản hỗ trợ khác	473,0	373,6	79%	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	5,0	5,3	106%	

KÊ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Liên

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thị Tuyết Hồng Ba